

# Công khai chất lượng giáo dục theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

## CÔNG KHAI

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Biểu mẫu 01

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7  
TRƯỜNG MẦM NON TÂN HƯNG

## THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2020 - 2021

| STT | Nội dung                                                      | Nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I   | Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành chương trình chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành.</li> <li>- Khẩu phần dinh dưỡng dự kiến đạt: 63%/ calo/ ngày</li> <li>- Khám sức khỏe: 01 lần/năm</li> <li>- Tẩy giun: 02 lần/năm</li> <li>- Tỷ lệ giảm suy dinh dưỡng (SDD) dự kiến so với đầu năm:</li> <li>+ SDD thể nhẹ cân: Giảm 02/02/106. Tỷ lệ: 100%</li> <li>+ SDD thể gầy còm: 00</li> <li>+ SDD thể thấp còi: Giảm 03/05/106. Tỷ lệ: 60%</li> <li>+ Tỷ lệ dư cân, béo phì so với đầu năm học, cải thiện: 05/09/106, tỉ lệ 55,55 %</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành chương trình chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành.</li> <li>- Khẩu phần dinh dưỡng dự kiến đạt 52%/ calo/ ngày</li> <li>- Khám sức khỏe: 01 lần/năm</li> <li>- Tẩy giun: 02 lần/năm</li> <li>- Tỷ lệ giảm suy dinh dưỡng (SDD) dự kiến so với đầu năm học:</li> <li>+ SDD thể nhẹ cân: Giảm 07/07/464. Tỷ lệ: 100%</li> <li>+ SDD thể gầy còm: 00</li> <li>+ SDD thể thấp còi: 00</li> <li>- Tỷ lệ dư cân, béo phì so với đầu năm học, cải thiện: 20/77/464, tỉ lệ 25,97 %.</li> </ul> |
| II  | Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện        | Thực hiện theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT về sửa đổi, bổ sung, một số nội dung của chương trình giáo dục Mầm non ban hành kèm theo thông tư 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Thực hiện theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT về sửa đổi, bổ sung, một số nội dung của chương trình giáo dục Mầm non ban hành kèm theo thông tư 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| III | Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển        | <p>➤ <b>Thể chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 95% trẻ thực hiện được vận động cơ bản và một số tổ chất vận động ban đầu (nhANH NHẸN, khéo léo, thăng bằng cơ thể);</li> <li>- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động của bàn tay, ngón tay. Thực hiện phối hợp tay – mắt, phối hợp tay</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                    | <p>➤ <b>Thể chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp;</li> <li>- Tập luyện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tổ chất trong vận động;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

| STT | Nội dung | Nhà trẻ                                                                                              | Mẫu giáo                                                                                                                                       |
|-----|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          | - chân – cơ thể, thể hiện sức mạnh của cơ bắp.                                                       | - Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe;                                                |
|     |          |                                                                                                      | - Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.                                                                                              |
|     |          | ➤ <b>Tình cảm xã hội:</b><br>- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người sự vật gần gũi; | ➤ <b>Tình cảm xã hội:</b><br>- Có ý thức về bản thân, có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh; |
|     |          | - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt;                                                | - Có một số phẩm chất: mạnh dạn, tự tin, biết chia sẻ, biết lắng nghe;                                                                         |
|     |          | - Thích hát, nghe hát và vận động theo nhạc.                                                         | - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm chia sẻ.                                                                    |
|     |          | ➤ <b>Nhận thức:</b><br>- Thích tìm hiểu khám phá thế giới xung quanh;                                | ➤ <b>Nhận thức:</b><br>- Ham hiểu biết, thích tìm hiểu khám phá các sự vật, thế giới xung quanh;                                               |
|     |          | - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật gần gũi quen thuộc.                          | - Có khả năng quan sát, so sánh, phán đoán;                                                                                                    |
|     |          |                                                                                                      | - Có khả năng diễn đạt tình cảm thông qua hành động và ngôn ngữ;                                                                               |
|     |          |                                                                                                      | - Có một số khái niệm sơ đẳng về toán.                                                                                                         |
|     |          | ➤ <b>Ngôn ngữ:</b><br>- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói;                            | ➤ <b>Ngôn ngữ:</b><br>- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày;                                                         |
|     |          | - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói cử chỉ;                                   | - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...)                                                        |
|     |          | - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu;                                                    | - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong đời sống hằng ngày;                                                                           |
|     |          | - Có khả năng cảm nhận nhịp điệu, vần điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói;                      | - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện;                                                                                           |
|     |          | - Hồn nhiên trong giao tiếp.                                                                         | - Có khả năng cảm nhận nhịp điệu, vần điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi;                                                  |
|     |          |                                                                                                      | - Có một số kỹ năng ban đầu về đọc viết.                                                                                                       |
|     |          |                                                                                                      | ➤ <b>Thẩm mỹ:</b><br>- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật;                                              |
|     |          |                                                                                                      | - Có khả năng thể hiện cảm xúc trong hoạt động âm nhạc, tạo hình;                                                                              |

| STT | Nội dung                                                                   | Nhà trẻ                                                                                                                                                                                        | Mẫu giáo                                                                                                                                                            |
|-----|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                            |                                                                                                                                                                                                | - Yêu thích hào hứng tham gia các hoạt động nghệ thuật.                                                                                                             |
| IV  | <b>Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non</b> | - Trẻ tham gia các hoạt động lễ hội như: Ngày hội bé đến trường; Trung Thu; Halloween; Bé yêu Cô 20/11; Bé và Ông Noel; Bé vui đón Xuân; Lễ 8/3; Giỗ tổ Hùng Vương; Ngày Sinh nhật Bác Hồ; ... | - Trẻ tham gia các hoạt động lễ hội như: Ngày hội bé đến trường; Trung Thu; Halloween; Bé yêu Cô 20/11; Bé và Ông Noel; Bé vui đón Xuân; Lễ 8/3; Giỗ tổ Hùng Vương. |
|     |                                                                            |                                                                                                                                                                                                | - Tham quan trải nghiệm kỹ năng sống tại: Siêu thị, Nhà Tưởng niệm bác Hồ, Trường Tiểu học,...                                                                      |
|     |                                                                            |                                                                                                                                                                                                | - Các lớp học ngoại khoá: Anh văn, Thể dục nhịp điệu, Vẽ, Võ thuật.                                                                                                 |

**Nơi nhận:**

- CB-GV-NV;
- Cha mẹ trẻ;
- Lưu: VT.

Quận 7, ngày 25 tháng 9 năm 2020

**HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

**Tô Ngọc Dung**

**THÔNG BÁO**  
**Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế năm học 2020 - 2021**

| Số TT      | NỘI DUNG                                                         | Tổng số trẻ em | NHÀ TRẺ     |             | MẪU GIÁO |          |          |
|------------|------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|-------------|----------|----------|----------|
|            |                                                                  |                | 19-24 tháng | 25-36 tháng | 3-4 tuổi | 4-5 tuổi | 5-6 tuổi |
| <b>I</b>   | <b>Tổng số trẻ em</b>                                            | <b>570</b>     | 27          | 79          | 116      | 161      | 187      |
| 1          | - Số trẻ em học 2 buổi/ngày                                      | 570            | 27          | 79          | 116      | 161      | 187      |
| 2          | - Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập                              | 00             | 00          | 00          | 00       | 00       | 00       |
| <b>II</b>  | <b>Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú</b>                         | <b>570</b>     | 27          | 79          | 116      | 161      | 187      |
| <b>III</b> | <b>Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe</b>                  | <b>570</b>     | 27          | 79          | 116      | 161      | 187      |
| <b>IV</b>  | <b>Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng</b> | <b>570</b>     | 27          | 79          | 116      | 161      | 187      |
| <b>V</b>   | <b>Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em</b>                    | <b>570</b>     | 27          | 79          | 116      | 161      | 187      |
| 1          | - Số trẻ cân nặng bình thường                                    | 470            | 20          | 70          | 99       | 127      | 154      |
| 2          | - Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân                              | 9              | 0           | 2           | 3        | 2        | 2        |
| 3          | - Số trẻ có chiều cao bình thường                                |                |             |             |          |          |          |
| 4          | - Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi                             | 5              | 5           | 0           | 0        | 0        | 0        |
| 5          | - Số trẻ thừa cân béo phì                                        | 86             | 2           | 7           | 14       | 32       | 31       |
| <b>VI</b>  | <b>Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục</b>          | <b>570</b>     | 27          | 79          | 116      | 161      | 187      |
| 1          | - Chương trình giáo dục nhà trẻ                                  | 106            | 27          | 78          |          |          |          |
| 2          | - Chương trình giáo dục mẫu giáo                                 | 464            |             |             | 116      | 161      | 187      |

Quận 7, ngày 25 tháng 9 năm 2020

**HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

**Nơi nhận:**

- CB-GV-NV;
- Cha mẹ trẻ;
- Lưu: VT.

**Tô Ngọc Dung**

**THÔNG BÁO**  
**Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2020 - 2021**

| STT         | Nội dung                                                                           | Số lượng       | Bình quân                   |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------|
| <b>I</b>    | <b>Tổng số phòng</b>                                                               | <b>14</b>      | 1,3 m <sup>2</sup> /trẻ em  |
| <b>II</b>   | <b>Loại phòng học</b>                                                              |                | -                           |
| 1           | <b>Phòng học kiên cố</b>                                                           | 14             |                             |
| 2           | Phòng học bán kiên cố                                                              | 00             | -                           |
| 3           | Phòng học tạm                                                                      | 00             | -                           |
| 4           | Phòng học nhờ                                                                      | 00             | -                           |
| <b>III</b>  | <b>Số điểm trường</b>                                                              | 01             | -                           |
| <b>IV</b>   | <b>Tổng diện tích đất toàn trường (m<sup>2</sup>)</b>                              | 1,718          | 3 m <sup>2</sup> /trẻ em    |
| <b>V</b>    | <b>Tổng diện tích sân chơi (m<sup>2</sup>)</b>                                     | <b>657,87</b>  | 1,16 m <sup>2</sup> /trẻ em |
| <b>VI</b>   | <b>Tổng diện tích một số loại phòng</b>                                            |                |                             |
| 1           | Diện tích phòng sinh hoạt chung (m <sup>2</sup> )                                  | <b>797,139</b> | 1,4 m <sup>2</sup> /trẻ em  |
| 2           | Diện tích phòng ngủ (m <sup>2</sup> )                                              | /              |                             |
| 3           | Diện tích phòng vệ sinh (m <sup>2</sup> )                                          | <b>148,74</b>  | 0,26 m <sup>2</sup> /trẻ em |
| 4           | Diện tích hiên chơi (m <sup>2</sup> )                                              | <b>782,92</b>  | 1,38 m <sup>2</sup> /trẻ em |
| 5           | <i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m<sup>2</sup>)</i>                           | <b>58,8</b>    |                             |
| 6           | <i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m<sup>2</sup>)</i> | <b>58,8</b>    |                             |
| 7           | Diện tích nhà bếp và kho (m <sup>2</sup> )                                         | <b>58,8</b>    |                             |
| <b>VII</b>  | <b>Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>              | 14             | 14 bộ/14 nhóm (lớp)         |
| 1           | Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định                   | 14             | 14 bộ/14 nhóm (lớp)         |
| 2           | Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định               | 0              |                             |
| <b>VIII</b> | <b>Tổng số đồ chơi ngoài trời</b>                                                  | 7 bộ           | 7 bộ/6 sân chơi             |

|           |                                                                                                                                 |                              |                        |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------|
| <b>IX</b> | <b>Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v... )</b> | 22                           |                        |
| <b>X</b>  | <b>Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)</b>                     |                              | Số thiết bị/nhóm (lớp) |
| 1         | Ti vi                                                                                                                           | 15                           | 1                      |
| 2         | Máy PHOTO COPY                                                                                                                  | 01                           |                        |
| 3         | Thiết bị khác (Âm thanh, tài sản lớn)                                                                                           | 13                           |                        |
| 4         | Bàn ghế đúng quy cách                                                                                                           | Bàn: 300 cái<br>Ghế: 630 cái |                        |
| 5         | Camera an ninh                                                                                                                  | 01 bộ                        |                        |
| 6         | Loa phát thanh                                                                                                                  | 01 bộ                        |                        |

|           |                         | Số lượng (m <sup>2</sup> ) |                   |        |                           |        |
|-----------|-------------------------|----------------------------|-------------------|--------|---------------------------|--------|
| <b>XI</b> | <b>Nhà vệ sinh</b>      | Dùng cho giáo viên         | Dùng cho học sinh |        | Số m <sup>2</sup> /trẻ em |        |
|           |                         |                            | Chung             | Nam/Nữ | Chung                     | Nam/Nữ |
| 1         | Đạt chuẩn vệ sinh*      | 3                          | 14                |        | 0,26                      |        |
| 2         | Chưa đạt chuẩn vệ sinh* |                            |                   |        |                           |        |

(\*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

|             |                                                             | Có | Không |
|-------------|-------------------------------------------------------------|----|-------|
| <b>XII</b>  | <b>Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh</b>                     | x  |       |
| <b>XIII</b> | <b>Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)</b>                   | x  |       |
| <b>XIV</b>  | <b>Kết nối internet</b>                                     | x  |       |
| <b>XV</b>   | <b>Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục</b> | x  |       |
| <b>XVI</b>  | <b>Tường rào xây</b>                                        | x  |       |
| <b>..</b>   | <b>....</b>                                                 |    |       |

**Nơi nhận:**

- CB-GV-NV;
- Cha mẹ trẻ;
- Lưu: VT.

Quận 7, ngày 25 tháng 9 năm 2020

**HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

**Tô Ngọc Dung**

**THÔNG BÁO**  
**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên**  
**Năm học 2020 - 2021**

| S<br>TT    | Nội dung                                                      | Tổng<br>số | Trình độ đào tạo |           |           |           |           |            | Hạng chức danh<br>nghề nghiệp |             |            | Chuẩn nghề nghiệp |           |               |     |
|------------|---------------------------------------------------------------|------------|------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|------------|-------------------------------|-------------|------------|-------------------|-----------|---------------|-----|
|            |                                                               |            | TS               | ThS       | ĐH        | CĐ        | TC        | Dưới<br>TC | Hạng<br>IV                    | Hạng<br>III | Hạng<br>II | Xuất<br>sắc       | Khá       | Trung<br>bình | Kém |
|            | <b>Tổng số giáo viên,<br/>cán bộ quản lý<br/>và nhân viên</b> | <b>53</b>  |                  | <b>02</b> | <b>17</b> | <b>14</b> | <b>04</b> | <b>16</b>  | <b>17</b>                     | <b>06</b>   | <b>11</b>  | <b>21</b>         | <b>13</b> |               |     |
| <b>I</b>   | <b>Giáo viên</b>                                              | <b>31</b>  |                  |           | <b>16</b> | <b>13</b> | <b>02</b> |            | <b>17</b>                     | <b>06</b>   | <b>08</b>  | 18                | 13        |               |     |
| 1          | Nhà trẻ                                                       | 08         |                  |           | 04        | 03        | 01        |            | 05                            | 01          | 02         | 4                 | 4         |               |     |
| 2          | Mẫu giáo                                                      | 24         |                  |           | 12        | 10        | 01        |            | 12                            | 05          | 06         | 14                | 9         |               |     |
| <b>II</b>  | <b>Cán bộ quản lý</b>                                         | <b>3</b>   |                  | <b>02</b> | <b>01</b> |           |           |            |                               |             | <b>03</b>  | <b>3</b>          |           |               |     |
| 1          | Hiệu trưởng                                                   | 01         |                  | 01        |           |           |           |            |                               |             | 01         | 1                 |           |               |     |
| 2          | Phó hiệu trưởng                                               | 02         |                  | 01        | 01        |           |           |            |                               |             | 02         | 2                 |           |               |     |
| <b>III</b> | <b>Nhân viên</b>                                              | <b>19</b>  |                  |           |           | <b>01</b> | <b>02</b> | <b>16</b>  |                               |             |            |                   |           |               |     |
| 1          | Nhân viên văn thư                                             | 01         |                  |           |           |           | 01        |            |                               |             |            |                   |           |               |     |
| 2          | Nhân viên kế toán                                             | 01         |                  |           |           | 01        |           |            |                               |             |            |                   |           |               |     |
| 3          | Thủ quỹ                                                       | 00         |                  |           |           |           |           |            |                               |             |            |                   |           |               |     |
| 4          | Nhân viên y tế                                                | 01         |                  |           |           |           | 01        |            |                               |             |            |                   |           |               |     |
| 5          | Nhân viên khác                                                | 16         |                  |           |           |           |           | 16         |                               |             |            |                   |           |               |     |
| ..         | ..                                                            |            |                  |           |           |           |           |            |                               |             |            |                   |           |               |     |

Quận 7, ngày 25 tháng 9 năm 2020

**HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

**Nơi nhận:**

- CB-GV-NV;
- Cha mẹ trẻ;
- Lưu: VT.

**Tô Ngọc Dung**